

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2022

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 238/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Mai Xuân T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Chị Vương Thị M, sinh năm 1990.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người nhận ủy quyền giao nhận tài liệu cho chị Vương Thị M: Chị Vương Thị H, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh Mai Xuân T trình bày: Anh và chị Vương Thị M được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 21 tháng 01 năm 2008 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, đến khoảng năm 2013 thì anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan còn chị M thì làm công nhân ở gần nhà. Thời

gian đầu sống xa nhau, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, tuy nhiên được khoảng năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cãi nhau, qua trao đổi với người thân thì anh T biết được chị M thường xuyên qua lại với người đàn ông khác nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Sau đó, chị M tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ mà không cho anh T biết. Sau đó, anh T về nước. Đến tháng 06/2019, chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ khi chị M đi nước ngoài, chị M đã chủ động cắt đứt hoàn toàn liên lạc với anh T, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, chị M cũng không quan tâm đến các con. Dù nhiều lần được bạn bè và gia đình khuyên nhủ nhưng chị M không thay đổi và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vương Thị M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị M có 03 con chung là cháu Mai Vương Q, sinh ngày 05/6/2008; cháu Mai Thảo N sinh ngày 29/5/2010 và cháu Mai Minh T1, sinh ngày 25/12/2012. Hiện nay, cháu Mai Vương Q, cháu Mai Thảo N và cháu Mai Minh T1 đang ở cùng anh T và bố mẹ đẻ anh T tại Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Mai Vương Q, cháu Mai Thảo N, cháu Mai Minh T1 và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị M có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M đã về Việt Nam và đã được gia đình thông báo về việc anh T đang có đơn xin ly hôn với chị M gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Chị M xác định chị và anh Mai Xuân T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 21 tháng 01 năm 2008 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, đến khoảng năm 2013 thì anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu sống xa nhau, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, tuy nhiên được khoảng năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 6/2019, chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ khi đi nước ngoài, vợ chồng đã chủ động cắt đứt hoàn toàn liên lạc với nhau, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và anh T cũng cấm cản không cho chị M được gặp gỡ, liên lạc với con. Dù nhiều lần được bạn bè và gia đình khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi, thường xuyên chửi mắng chị M và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị M xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị M nhất trí ly hôn với anh T để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung, trong thời kỳ hôn nhân, chị M và anh T có 03 con chung như anh T trình bày. Hiện nay, cháu Q, cháu N và cháu T1 đang ở cùng anh T và ông bà nội. Khi ly hôn, chị M đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung do các cháu đang sinh sống ổn định với bố. Sau này khi chị M về nước sẽ thỏa thuận về việc nuôi con chung với anh T sau. Về tài sản chung, nợ chung, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 21/7/2022, chị M về nước. Trước khi quay trở lại Đà Loan, chị M đề nghị giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho chị Vương Thị Hòe, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn Đìa, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương sẽ thay mặt chị M giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 10408/QLXNC-P5 ngày 19/5/2022 thể hiện: Chị Vương Thị M, sinh ngày 12/3/1990; lần cuối xuất cảnh ngày 08/7/2020 bằng hộ chiếu số C8987459 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Ngày 08/8/2022, chị M cung cấp cho Tòa án bản sao hộ chiếu số C8987459 mang tên Vương Thị M có dấu đóng nhập cảnh ghi ngày 21/7/2022.

Tại phiên tòa, anh T, chị M đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh T và chị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho anh Mai Xuân T ly hôn chị Vương Thị M; về con chung, giao cháu Mai Vương Q, sinh ngày 05/6/2008; cháu Mai Thảo N sinh ngày 29/5/2010 và cháu Mai Minh T1, sinh ngày 25/12/2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Mai Xuân T có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Vương Thị M, là người Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Đà Loan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, anh T và chị M đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị M được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 21 tháng 01 năm 2008 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chưa được tìm hiểu kỹ nên bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, thường xuyên to tiếng, cãi nhau. Đến năm 2019, chị M đi lao động tại Đại Loan. Do khoảng cách về địa lý nên vợ chồng không thể thường xuyên gặp nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt dần. Từ khi đi nước ngoài, anh T và chị M đã cắt đứt hoàn toàn liên lạc với nhau, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh T và chị M cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh T có đơn xin ly hôn thì chị M nhất trí đồng ý. Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị M cũng được gia đình chị M xác nhận. HĐXX xét thấy, hôn nhân của anh T và chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh T ly hôn với chị M là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh T và chị M có 03 con chung là cháu Mai Vương Q, sinh ngày 05/6/2008; cháu Mai Thảo N sinh ngày 29/5/2010 và cháu Mai Minh T1, sinh ngày 25/12/2012. Hiện nay, các cháu đang ở cùng anh T tại Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Anh T và chị M đều thống nhất khi vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án giao cháu Mai Vương Q, cháu Mai Thảo N và cháu Mai Minh T1 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy ý kiến của đương sự tự nguyện thống nhất, căn cứ các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cháu Q, cháu N và cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh T và chị M không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Xuân T. Xử cho anh Mai Xuân T ly hôn chị Vương Thị M.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho anh Mai Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Mai Vương Q, sinh ngày 05/6/2008; cháu Mai Thảo N sinh ngày 29/5/2010 và cháu Mai Minh T1, sinh ngày 25/12/2012 đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền khởi kiện yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Chị Vương Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Mai Xuân T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số [AA/2021/0000033](#) ngày 07/4/2022. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn